

BÁO CÁO CÔNG KHAI 6 tháng đầu năm 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai
trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đơn vị: Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát

2. Địa chỉ

- Cơ sở 1: 488 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7

- Điện thoại: (028) 37 731 707

- Cơ sở 2: G5 Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, Quận 7

- Điện thoại: (028) 35 359 326

- Địa chỉ thư điện tử: thcs huynhtanphat.q7@hcm.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thcs huynhtanphat.hcm.edu.vn/>

3. Loại hình của đơn vị:

Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát là trường trung học cơ sở công lập do Ủy ban nhân dân Quận 7 quyết định thành lập và trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng: Giáo dục học sinh có tri thức, năng động, biết yêu thương và trách nhiệm.

Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường: Học sinh của trường có nhân cách, có tư duy độc lập và tích cực học tập.

Tầm nhìn chiến lược: Nhà trường thân thiện, chấp cánh ước mơ tri thức cho học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát được hình thành với tên gọi trước đây là Trường Trung học cơ sở Tân Thuận 3. Đến năm 2002, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát theo Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Quận 7. Trường có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy và học, thiết bị dạy học được bổ sung kịp thời. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, đều đạt chuẩn và trên chuẩn, có tay nghề khá, giỏi; đội ngũ nhân viên có

trách nhiệm. Phần lớn học sinh có nề nếp tốt, được quan tâm, chăm lo và đảm bảo quyền lợi học tập.

Từ năm học 2022–2023 trở về trước, trường có 01 cơ sở với diện tích 4904,6 m² bao gồm 3 dãy lầu có 38 phòng học, với các phòng chức năng và sân chơi. Đến năm học 2023–2024, theo Công văn số 3416/UBND-GDDT ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc tạm giao cơ sở nhà đất tại địa chỉ G5 Nguyễn Văn Quỳ cho Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát, trường được bàn giao quản lý thêm 01 cơ sở tại địa chỉ G5 Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, Quận 7 để đảm bảo đủ chỗ học cho 2085 học sinh được học 2 buổi/ngày.

Trong nhiều năm qua, nhà trường thực hiện tốt chương trình và các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý nhà trường đã triển khai hiệu quả các nội dung giáo dục nên chất lượng giảng dạy của nhà trường luôn ổn định và từng bước được nâng cao.

- Năm học 2012 – 2013, đơn vị nhận bằng khen của Thủ tướng (*Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2012 – Bằng số 5*).

- Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học liên tục 2014 – 2015, 2015 – 2016 (*Quyết định số 5065/QĐUB ngày 27 tháng 9 năm 2016*) và 02 năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023 (*Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2023*)

- Từ năm học đến 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024, trường đều được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến trở lên.

Với mục tiêu “xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại” và sứ mạng “Giáo dục học sinh có tri thức, năng động, biết yêu thương và trách nhiệm”, Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát phấn đấu hoàn thành Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 và tiếp tục duy trì, thúc đẩy sự phát triển của đơn vị trong giai đoạn 2025 – 2030

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hoài Bắc
- Số điện thoại: 0903304048
- Địa chỉ thư điện tử: nthbac.q7@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập:

Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát được thành lập theo các quyết định:

- Quyết định số 126/QĐ.UB.TC ngày 09 tháng 11 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc thành lập trường Trung học cơ sở Tân Thuận 3;
- Quyết định số 180/QĐ.UB.TC ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc đổi tên trường Trung học cơ sở Tân Thuận 3 thành Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát;

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-GDDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7. Sau đó, Hội đồng trường được kiện toàn thành viên qua từng thời kỳ bởi các quyết định sau:

- Quyết định số 723/QĐ-GDDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7;

- Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018, Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021

- Quyết định số 5700/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7

Chủ tịch Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 7060/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7.

Danh sách thành viên Hội đồng trường đính kèm Quyết định số 5700/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hoài Bắc	Bí thư - Hiệu trưởng	Thành viên
2	Bà Trần Thị Thái Thu	Phó Chủ tịch UBND Phường Bình Thuận	Thành viên
3	Bà Nguyễn Dương Dzũng Anh	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
4	Bà Ngô Thị Cẩm Tú	Bí thư Chi đoàn	Thành viên
5	Bà Huỳnh Nguyễn Cẩm Tú	Tổ trưởng tổ Toán	Thành viên
6	Bà Lê Nguyễn Nguyên Thủy	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Thành viên
7	Ông Đặng Văn Tuyền	Tổ trưởng tổ Lịch sử - Địa lý - GDCD	Thành viên
8	Bà Đặng Thanh Thúy	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Tổ trưởng tổ GDTC - Nghệ thuật	Thành viên
10	Ông Nguyễn Cao Khải	Tổ trưởng tổ Tin - Công nghệ	Thành viên
11	Ông Trần Vương Minh Tuấn	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
12	Ông Nguyễn Xuân An	Phó Trưởng ban Đại diện CMHS trường	Thành viên
13	Em Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	Liên đội phó - Học sinh lớp 7TC1	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận cán bộ quản lý:

a) Hiệu trưởng:

Bà Nguyễn Thị Hoài Bắc được điều động theo Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát.

b) Phó Hiệu trưởng

- Ông Nguyễn Phi Hùng được điều động theo Quyết định số 4880/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát

- Bà Nguyễn Duy Anh Thư được bổ nhiệm theo Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động

Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 33/QĐ-HTP ngày 20/7/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THCS Huỳnh Tấn Phát.

❖ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị

- Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9.

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

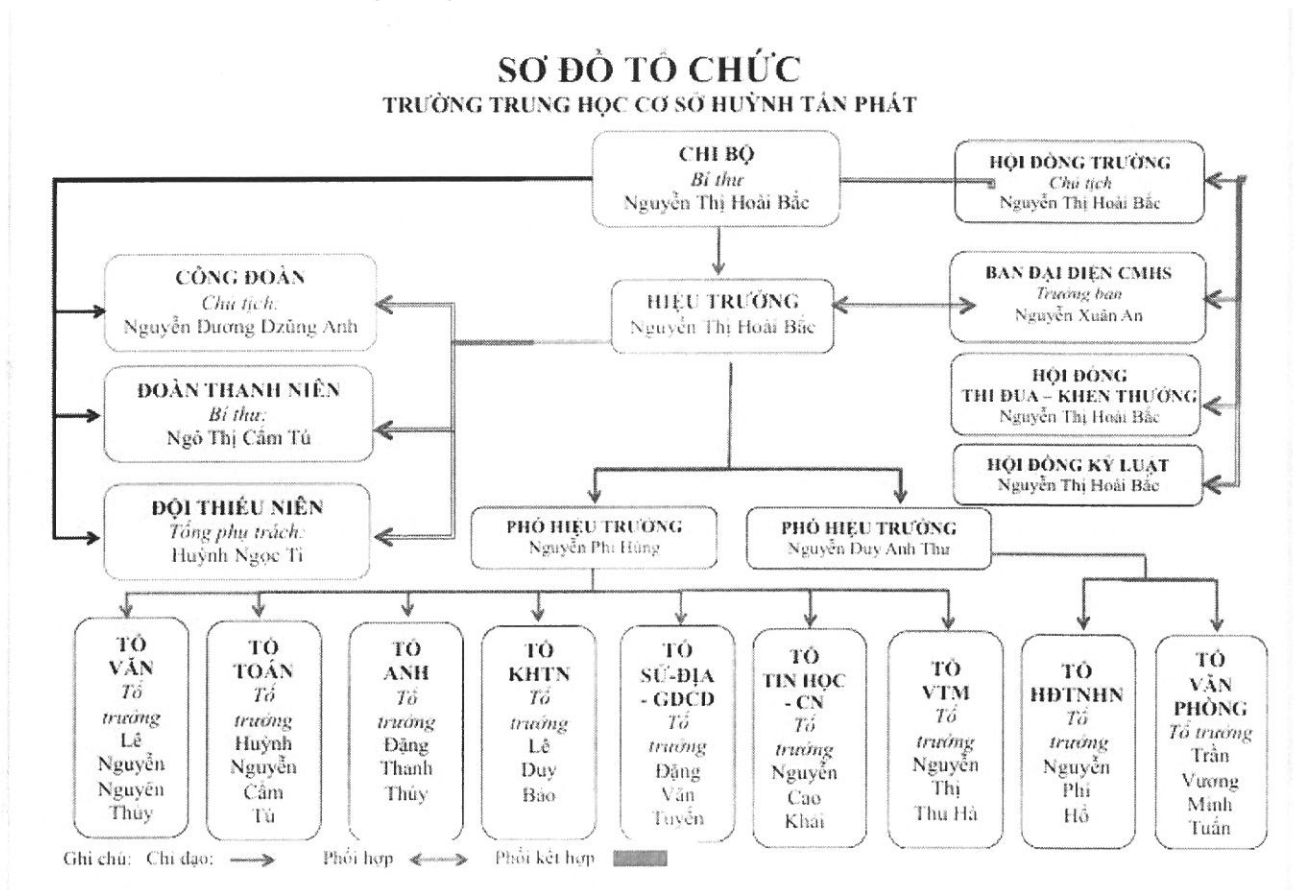
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

❖ Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường



e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

❖ Hiệu trưởng:

- Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Hoài Bắc
- Số điện thoại: 0903304048
- Địa chỉ thư điện tử: nthbac.q7@hcm.edu.vn.
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát, số 488 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Phó Hiệu trưởng:

- Họ và tên: Ông Nguyễn Phi Hùng
- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng (Phụ trách chuyên môn)
- Số điện thoại: 0908081046
- Địa chỉ thư điện tử: nphung.079073002335@hcmdoet.edu.vn

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát, số 488 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

❖ **Phó Hiệu trưởng:**

- Họ và tên: Bà Nguyễn Duy Anh Thu
- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng (Phụ trách hành chính)
- Số điện thoại: 0907493183
- Địa chỉ thư điện tử: ndathu.060178000093@hcmdoet.edu.vn
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát, số 488 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Các văn bản của cơ sở giáo dục được công khai tại cổng thông tin của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát <https://theshuynhtanphat.hcm.edu.vn/> hoặc tại bảng thông báo và trong các phiên họp của nhà trường gồm:

- Chiến lược phát triển: Kế hoạch số 62/KH-HTP ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát về Chiến lược phát triển giáo dục trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát giai đoạn 2021 – 2025

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quyết định 155/QĐ-HTP ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Trường THCS Huỳnh Tấn Phát về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ tại cơ sở của Trường THCS Huỳnh Tấn Phát từ năm học 2024-2025.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng: Kế hoạch số 241/KH-HTP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát về việc đăng ký tuyển dụng viên chức năm học 2024 – 2025.

- Các nghị quyết của hội đồng trường.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

- Tính đến ngày 30/6/2025, tổng số viên chức, người lao động của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát là 108 người gồm 89 viên chức và 16 người lao động, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			ThS	ĐH	CDTC	Khác	III	II	I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
A	Viên chức	89	4	82	2	1	0							
I	Giáo viên	80	3	76	1	0	0	42	36		10	53		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			ThS	ĐH	CDTC	Khác	III	II	I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
								(01 cũ)						
1	Toán	14	1	13										
2	Ngữ văn	13	2	11										
3	Tiếng Anh	13		13										
4	KHTN	13		13										
5	LS - ĐL	9		9										
6	GDCD	2		2										
7	CN	3		2	1									
8	Tin học	4		4										
9	Thể dục	5		5										
10	Âm nhạc	2		2										
11	Mỹ thuật	2		2										
II	Cán bộ quản lý	3	1	2	0	0	0		3		3			
1	Hiệu trưởng		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng			2					2		2			
III	Nhân viên	6	0	4	1	1	0							
1	Văn thư	0												
2	Kế toán	1		1										
3	Thủ quỹ	1			1									
4	Y tế	1				1								
5	Thư viện	1		1										
6	Thiết bị, thí nghiệm	1		1										
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Công nghệ thông tin	1		1										
B	Nhân viên hợp đồng	17	0	4	0	0	13							

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CDTC	Khác	III	II	I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
1	Bảo vệ	4				4							
2	Phục vụ	7				7							
3	Khác	5		3		2							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT (Tính đến thời điểm tháng 06/2025)

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh (Bảng số liệu)

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật (Bảng số liệu)

3. Số thiết bị dạy học hiện có (Bảng số liệu)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	47	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	47	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	11	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	47/47	1 lớp/phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	2260/47	48 hs/lớp
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5947.7m²	2.63m²/HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1960.6 m²	0.86m²/HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48m ²	1m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48m ²	1m ² /HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	112m ²	2.3m ² /HS
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội phòng truyền thông (m ²)	63m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	
1.1	Khối lớp 6	0	
1.2	Khối lớp 7	0	
1.3	Khối lớp 8	0	
1.4	Khối lớp 9	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	48	
2.1	Khối lớp 6	12	
2.2	Khối lớp 7	12	
2.3	Khối lớp 8	12	
2.4	Khối lớp 9	12	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	96	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	10	
2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bảng tương tác	2	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	10	
2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bảng tương tác	2	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
XIII	Khu nội trú	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7 khu		9 khu		0.29m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà vệ sinh - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng tại trường năm học 2024 – 2025:

4.1. Danh mục sách giáo khoa lớp 6

STT	Tên sách (tên bộ sách)	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 6 (Tập 1,2) (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị, Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 6 (Tập 1,2) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Tiến Thành, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Lê Quang Trường	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6 (I- Learn Smart World)	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 6 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhi, Trần Ngọc Thắng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5	Lịch sử và Địa lí 6 (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Hữu Bách, Vũ Thị Bắc, Nguyễn Thị Kim Liên, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Hà Văn Thắng, Phạm Đỗ Văn Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 6 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục công dân 6 (Chân trời sáng tạo)	Đình Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu hà, Ngô Tháo Hà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Tiêu Thị Mỹ Hồng, Đỗ Công Nam, Vũ Thị Thanh Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 6 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh Tân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 6 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải	Đình Thị Kim Thoa, Vũ Quang	Nhà xuất bản

	nghiệm, hướng nghiệp 6 (Chân trời sáng tạo)	Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yên Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục thể chất 6 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Tin học 6 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

4.2. Danh mục sách giáo khoa lớp 7

STT	Tên sách (tên bộ sách)	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 7 (Tập 1,2) (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiền, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 7 (Tập 1,2) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Phan Thu Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 (I-Learn Smart World)	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thị Uyên Sa	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp; Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung; Trần Hoàng Dương; Phạm Thị Hương;	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Phạm Thị Lịch; Trần Thị Kim Ngân; Trần Hoàng Nghiêm; Lê Cao Phan; Trần Ngọc Thắng; Nguyễn Tấn Trung	
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (đồng Chủ biên phần lịch sử); Trần Văn Nhân; Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Trà My, Hồ Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hòa; Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí); Vũ Thị Bắc, Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phạm Văn Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thiêm, Nguyễn Thị Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục công dân 7 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 7 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 7 (bản 1) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang	Nhà xuất bản

	nghiệm, hướng nghiệp 7 (bản 1) (Chân trời sáng tạo)	Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tin học 7 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

4.3. Danh mục sách giáo khoa lớp 8

Môn	Tên sách (tên bộ sách)	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 8 (Tập 1,2) (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 8 (Tập 1,2) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8 (I-Learn Smart World)	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 8 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh, (đồng	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm

		Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phương, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ	
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phạm Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Tiệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung, Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Việt Ngạc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phương, Hồ Thanh Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 8 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục công dân 8 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 8 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 8 (bản 2) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Văn Bình, Đào Thị Hà, Trần Đoàn Thanh Ngọc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải	Đình Thị Kim Thoa (đồng Tổng	Nhà xuất bản

	nghiệm, hướng nghiệp 8 (bản 1) (Chân trời sáng tạo)	Chủ biên), Lại Thị Yên Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tin học 8 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

4.4. Danh mục sách giáo khoa lớp 9

STT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 9, tập một và tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 9, tập một và tập hai (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 9 (I-Learn Smart World)	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên)	Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 9 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp; Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung; Trần Hoàng Đương; Phạm Thị Hương; Phạm Thị Lịch; Trần Thị Kim Ngân; Trần Hoàng Nghiêm; Lê Cao Phan; Trần Ngọc Thắng; Nguyễn Tấn Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (Tổng chủ biên phần Lịch sử) - Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lý)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp (Chân trời sáng tạo)	Đinh Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên);	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy	
8	Tin học 9 (Cánh Diều)	Hồ Sỹ Đàm (Tổng chủ biên)	Công ty Cổ phần đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục (VEPIC)
9	Giáo dục thể chất 9 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 9 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)	Công ty Cổ phần đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục (VEPIC)
11	Âm nhạc 9 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải - Nguyễn Thị Tố Mai (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

4.5. Danh mục sách tiếng Anh

STT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Tiếng Anh lớp 6 – 7 – 8 -9 (I-Learn Smart World) Student's Book	Võ Đại Phúc	Nhà xuất bản ĐH Sư Phạm TPHCM
2	Tiếng Anh lớp 6 – 7 -8 -9 (I-Learn Smart World) Wokk	Võ Đại Phúc	Nhà xuất bản ĐH Sư Phạm TPHCM

	Book		
3	Achievers Grade 7 -8 -9 Student's Book		Công ty Đại Trường Phát
4	Achievers Grade 7 -8 -9 Work Book		Công ty Đại Trường Phát
5	Fluency Plus 6 Student's Book	Phạm Hữu Đức (Chủ biên), Vũ Vạn Xuân, Lê Quý Mai Huyền, Huỳnh Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Phạm Nguyễn Bảo Ngọc, Đỗ Quốc Khánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Fluency Plus 6 Activity Book	Phạm Hữu Đức (Chủ biên), Vũ Vạn Xuân, Lê Quý Mai Huyền, Huỳnh Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Phạm Nguyễn Bảo Ngọc, Đỗ Quốc Khánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát được công nhận Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo Quyết định số 4343/QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (Tính đến 30/06/2025)

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của trường:

Kế hoạch số 241/KH-HTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát về tuyển sinh lớp 6 năm học 2025 – 2026.

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường:

Kế hoạch số 355/ KH-HTP ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát về thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2024 – 2025.

c) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh:

– Chương trình dạy Toán – Khoa học – Tiếng Anh theo chương trình tích hợp của Anh và Việt Nam

- Chương trình học tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài
- Chương trình học tiếng Anh qua môn Toán – Khoa học
- Chương trình tiếng Anh tăng cường.
- Chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.
- Chương trình giáo dục STEM.
- Chương trình dạy Tin học theo chuẩn quốc tế IC3
- Chương trình phổ cập bơi.
- Tổ chức giảng dạy năng khiếu Thể dục thể thao, Mỹ thuật, Âm nhạc.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát năm học 2024 – 2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	2246	628	780	499	339
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2048 93.3%	584 92.99%	686 94.1%	459 91.98%	319 94.1%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	143 6.51%	43 6.85%	41 5.62%	40 8.02%	19 5.6%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.18%	1 0,16%	2 0.27%	0	1 0.29%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	2246	628	780	499	339
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	994 44.26%	256 40.76%	350 44.87%	231 46.29%	157 46.31%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	907 40.38%	270 42.99%	299 28.33%	189 37.88%	149 43.95%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	332 14.78%	96 15.29%	125 16.03%	78 15.63%	33 9.73%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 0.58%	6 0.96%	6 0.77%	1 0,2%	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2183 97.2%	622 99.04%	724 92.82%	498 99.8%	339 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	252 11.22%	39 6.21%	109 13.97%	72 14.43%	32 9.44%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	730 32.5%	215 34.24%	232 29.74%	158 31.66%	125 36.87%
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	62/32	1/0	32/15	18/8	11/10
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3	1	1	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận/huyện	31		6KTKT	1 KHKT, 8KTKT	10, 4 MTCT, 1 VHCT, 1 KHKT
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	2 KTKT	1 KTKT		1 KHKT
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	339				339
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp năm 2025	339				339
VII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 công lập (tỷ lệ so với tổng số)	308/339 90.85%				308/339 90.85%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1114/1132	300/328	400/380	237/262	177/162
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	56	15	22	10	9

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
X	Số học sinh tốt nghiệp THCS năm 2025					339 (100%)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính của trường trong 6 tháng đầu năm 2025

Số TT	Nội dung	Thực hiện 6 tháng năm 2024	Thực hiện 6 tháng năm 2025
1	2	4	4
A	Tổng số thu	37.047.392.618	50.305.517.149
I	Nguồn ngân sách	26.099.166.869	34.039.710.536
1	Nguồn kinh phí thường xuyên (mã nguồn 13)	9.765.000.000	16.737.000.000
2	Nguồn kinh phí thường xuyên - Cải cách tiền lương (mã nguồn 14)	9.509.166.869	13.684.110.536
3	Nguồn kinh phí không thường xuyên (mã nguồn 12)	6.825.000.000	2.746.600.000
4	Nguồn kinh phí không thường xuyên - Khen thưởng (mã nguồn 18)		872.000.000
II	Thu sự nghiệp khác	7.174.204.700	10.755.801.250
1	Học phí công lập		1.213.500.000
2	Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	787.861.000	1.023.203.250
3	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	339.701.500	421.190.350
4	Tổ chức học ngoại ngữ với người viên nước ngoài	1.469.113.750	1.952.569.400
5	Tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	466.592.500	607.184.100
6	Tổ chức học bơi	496.720.700	354.000
7	Tổ chức dạy Kỹ năng sống	535.120.000	693.530.400
8	Tổ chức Giáo dục Stem	431.455.000	679.173.750
9	Tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học		277.590.000
10	Tổ chức các lớp học theo Đề án tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam	163.620.000	169.158.600

11	Tổ chức các lớp học theo Đề án "nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030"	1.022.805.000	1.610.877.500
12	Tổ chức phục vụ bán trú, quản lý và vệ sinh bán trú	706.542.250	908.241.250
13	Sổ liên lạc điện tử, PM điểm danh	136.555.000	280.468.750
14	Phần mềm quản lý học trực tuyến	473.190.000	673.065.000
15	Tiền điện máy lạnh	144.928.000	245.694.900
III	Thu hộ chi hộ	3.553.983.772	5.211.039.074
1	Tiền ăn bán trú	3.176.348.628	4.698.647.435
2	Nước uống bán trú	122.642.250	162.590.210
3	Đề kiểm tra (giấy thi và đề thi kiểm tra)	2.450.000	2.800.000
4	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	1.530.000	1.020.000
5	Bảo hiểm y tế học sinh	75.524.400	102.751.740
6	Bảo hiểm tai nạn học sinh		
7	Bảo hiểm xã hội (ốm đau, thai sản)	78.854.400	107.303.100
8	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	96.634.094	135.926.589
IV	Thu khác	220.037.277	298.966.289
1	Lãi ngân hàng	1.552.715	3.188.289
2	Giữ xe học sinh	56.652.000	63.038.000
3	Hoa hồng (sách giáo khoa, học phẩm, đồng phục)		
4	Máy bán hàng tự động	150.480.000	204.100.000
5	Thu khác	11.352.562	28.640.000
B	Tổng số Chi	19.933.343.116	28.219.299.831
I	Nguồn ngân sách	8.556.155.567	15.016.646.155
<i>1</i>	<i>Nguồn kinh phí thường xuyên (mã nguồn 13)</i>	<i>6.067.134.518</i>	<i>8.308.053.480</i>

	+ Chi tiền hỗ trợ nhân viên y tế, bồi dưỡng giáo viên dạy thể dục, giáo viên dạy thêm giờ, phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật hòa nhập...	31.212.000	690.866.382
	+ Chi hỗ trợ học phí năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố		1.213.500.000
	+Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...);		
	+Chi khác.		
4	Nguồn kinh phí không thường xuyên - NQ08 (mã nguồn 14)	2.457.809.049	4.804.226.293
	+ Chi thu nhập tăng thêm cho viên chức và người lao động	2.457.809.049	4.804.226.293
	+Chi khác.		
5	Nguồn kinh phí không thường xuyên - Quỹ khen thưởng (mã nguồn 18)	0	0
	+ Chi khen thưởng		
	+Chi khác.		
II	Chi sự nghiệp khác	6.613.302.842	7.787.013.999
1	Học phí công lập		12.960.000
2	Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	595.285.802	641.937.938
3	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	292.048.192	289.752.414
4	Tổ chức học ngoại ngữ với người viên nước ngoài	1534650392	1.737.731.973
5	Tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	260.575.098	453.571.607
6	Tổ chức học bơi	573.198.570	
7	Tổ chức dạy Kỹ năng sống	609.941.731	606.700.975

8	Tổ chức Giáo dục Stem	540.380.342	602.486.909
9	Tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học		218.876.465
10	Tổ chức các lớp học theo Đề án tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam	76.735.397	25.367.813
11	Tổ chức các lớp học theo Đề án "nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030"	1.292.192.432	1.433.059.092
12	Tổ chức phục vụ bán trú, quản lý và vệ sinh bán trú	631.968.134	779.530.440
13	Số liên lạc điện tử, PM điểm danh	26.998.023	142.514.791
14	Phần mềm quản lý học trực tuyến	129.070.649	645.290.400
15	Tiền điện máy lạnh	50.258.080	197.233.182
III	Thu hộ chi hộ	4.597.579.401	5.124.464.411
1	Tiền ăn bán trú	4.199.774.000	4.605.371.747
2	Nước uống bán trú	160.644.000	153.460.180
3	Đề kiểm tra (giấy thi và đề thi kiểm tra)	34.038.204	49.521.676
4	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú		7.074.000
5	Bảo hiểm y tế học sinh	80.234.397	112.481.460
6	Bảo hiểm tai nạn học sinh		
7	Bảo hiểm xã hội (ốm đau, thai sản)	78.854.400	107.303.100
8	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	44.034.400	89.252.248
IV	Chi khác	166.305.306	291.175.266
1	Lãi ngân hàng	465.000	2.432.852
2	Giữ xe học sinh	28.112.500	34.530.000
3	Hoa hồng (sách giáo khoa, học phẩm, đồng phục)	16.065.000	
4	Máy bán hàng tự động	121.662.806	200.408.414

5	Thu khác		53.804.000
C	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học	105.326.617	115.910.000
	Miễn giảm học phí	2.400.000	
	Miễn giảm 2 buổi/ngày	14.030.000	
	Hỗ trợ chi phí học tập	27.000.000	33.600.000
	Các khoản miễn giảm khác	61.896.617	82.310.000
D	Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù	356.442.714	897.930.378
	Quỹ bổ sung thu nhập	119.500.220	48.950.554
	Quỹ khen thưởng	0	0
	Quỹ phúc lợi	35.966.486	499.653.043
	Quỹ PTHĐSN	200.976.008	349.326.781

2. Các khoản thu và mức thu phục vụ năm học 2024 – 2025 và thời gian thu

STT	NỘI DUNG THU	SỐ TIỀN	ĐỐI TƯỢNG
I			
1	Thu học phí	60.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối
II			
1	Tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày	95.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (Tăng cường tiếng Anh)	70.000 đồng/tháng	Các lớp Tiếng Anh tăng cường
3			
3.1	Tiền tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	70.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối
3.2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000 đồng/tháng	Toàn trường
3.3	Tiền tổ chức Giáo dục STEM (01 tiết/tuần)	90.000 đồng/tháng	Khối 6,7,8
3.4	Tiền tổ chức học Ngoại ngữ với người nước ngoài (02 tiết/tuần)	230.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối
3.5	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	570.000 đồng/tháng	Học sinh lớp Toán – Khoa

III			
1	Tiền tổ chức các lớp học theo đề án "Dạy và học môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	3.600.000 đồng/tháng	Các lớp tích hợp
2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030" (IC3)	170.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối
IV			
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	170.000 đồng/năm	Học sinh bán trú
2	Tiền học phẩm, học cụ - học liệu: Giấy kiểm tra - Đề kiểm tra	50.000 đồng/năm	Học sinh 4 khối
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	30.215 đồng/ngày	Học sinh bán trú
3	Tiền nước uống	17.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối
4	Tiền trông giữ xe học sinh	2.000 đồng/xe/1 lượt	Học sinh 4 khối
V			
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	115.000 đồng/tháng	Học sinh bán trú
2	Tiền điện đối với lớp đã trang bị sẵn máy lạnh	30.000 đồng/tháng	Học sinh các lớp có trang bị sẵn máy lạnh
3			
3.1	Giải pháp quản lý trường học thông minh, an toàn, không sử dụng tiền mặt (Phần mềm quản lý thẻ, sổ liên lạc điện tử...)	25.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối
3.2	Phần mềm học trực tuyến	60.000 đồng/tháng	Học sinh 4 khối

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

Trong năm học 2024 – 2025, tập thể Trường Trung học cơ sở Huỳnh Tấn Phát đã hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm khác như:

- Duy trì sĩ số: 99.5%
 - Học sinh đạt giải cấp Quận:
 - Học sinh giỏi lớp 9 được 14 giải gồm: 01 Tiếng Anh – 01 Lý – 01 Hóa – 01 Sinh – 03 Sử – 02 Địa – 05 giải Máy tính cầm tay
 - Khoa học kỹ thuật: 02 giải Khuyến khích
 - Khéo tay kỹ thuật: 02 giải Nhất, 03 giải Nhì, 02 giải Ba, 02 khuyến khích
 - Văn hay chữ tốt: 01 giải
 - Lớn lên cùng sách: 01 giải Nhì – Văn hóa đọc: 01 giải Ba
 - Nét vẽ xanh: 01 giải Nhì, 03 giải Ba, 05 giải Khuyến khích.
 - Hội thi An toàn giao thông: 08 giải
 - Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật: 01 giải Nhất, 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích.
 - Hùng biện tiếng Anh: 01 giải Ba khối 6, 7 và 01 giải Khuyến khích khối 8, 9.
 - Hội khỏe Phù Đổng năm học 2024 - 2025: 98 huy chương vàng, 55 huy chương bạc, 75 huy chương đồng.
 - Học sinh đạt giải cấp thành phố
 - Học sinh giỏi lớp 9 được 06 giải gồm: 01 giải Ba môn Hóa – 01 giải Ba môn Tiếng Anh – 01 giải Ba Khoa học kỹ thuật
 - Khéo tay Kỹ thuật: 03 giải Nhì
 - Nét Vẽ Xanh: 04 giải Khuyến khích
 - Hội thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp THCS – THPT: 03 giải Nhì, 03 giải Ba
 - Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật: 01 giải Khuyến khích
 - Hội khỏe Phù Đổng năm học 2024 - 2025: 04 huy chương vàng, 10 huy chương bạc, 20 huy chương đồng.
 - Học sinh đạt giải cấp Bộ:
 - Hội thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp THCS – THPT: 01 giải khuyến khích
3. Kết quả giáo viên tham gia các hội thi trong năm học 2024 - 2025
- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 21 giáo viên – Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp quận: 02 giáo viên.
4. Chi bộ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024
5. Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
6. Chi đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
7. Chi hội Khuyến học: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

8. Chi hội Chữ thập đỏ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

9. Tập thể nhà trường: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Phòng Giáo dục Đào tạo Quận 7;
- Niêm yết bảng tin, website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoài Bắc



